

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 7 - 2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 278/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 279/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Ngọc Ph, sinh năm 1971

Cư trú: Lô A8, khóm Th8, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang

2. *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị Thùy D, sinh năm 1974

Cư trú: Số 455 đường S, khóm A4, phường X1, thành phố X, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa ông Ph có mặt, bà D vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Ngọc Ph trình bày:

Ông Trần Ngọc Ph và bà Đoàn Thị Thùy D tự nguyện quen biết chung sống như vợ chồng từ lâu, đến ngày 15/3/2009 thì tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Lý do là do bà D nghi ngờ ông có tình cảm với người phụ nữ khác trong khi quan hệ của ông với người phụ nữ khác chưa có gì để vợ ông phải ghen tuông, nhưng bà D lại đi nhục mạ người đó. Vợ chồng ở với nhau mà bà D cứ cảm râm ông Ph, ghen tuông. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy ông Ph yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà D.

- Về con chung: Ông Ph và bà D không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đoàn Thị Thùy D trình bày:

Bà D và ông Ph chung sống từ năm 1995 cho đến năm 2009 thì làm đám cưới. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc ông Ph ngoại tình với người phụ nữ khác. Bà D kiên quyết không bỏ chồng, ông Ph muốn làm gì thì làm nhưng bà không bỏ chồng. Bà rất yêu thương chồng, một dạ một lòng tới chết cũng không bỏ chồng, cũng một lòng với ông Ph. Người tình của ông Ph chửi bới bà trên mạng, bà không trả lời, không ghen tuông gì cả nhưng người đó vẫn tìm người đánh bà, bà mới tâm sự trên mạng chứ không có nhục mạ ai. Bà D không đồng ý ký giấy ly hôn. Vì bà và ông Ph chưa từng kết hôn.

- Về con chung: Bà D và ông Ph không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa: Ông Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà D vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Ngọc Ph và bà Đoàn Thị Thùy D chung sống như vợ chồng từ năm 1995 đến năm 2009 thì tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn; ông Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà D là người hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét

xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bà Đoàn Thị Thùy D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc Ph và bà Đoàn Thị Thùy D cùng khai nhận ông bà chung sống với nhau như vợ chồng và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 2009, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay ông Ph yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà D. Về phía bà D không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với ông Ph. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội; khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, thì việc ông Ph và bà D không thực hiện các quy định của pháp luật khi chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Do đó, cần tuyên bố không công nhận ông Ph và bà D là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Ông Ph và bà D đều xác định ông bà không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ph và bà D đều xác định ông bà không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 271; 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 9; 14; 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố ông Trần Ngọc Ph và bà Đoàn Thị Thùy D không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Ông Trần Ngọc Ph phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0002764 ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang